

Bản án số: 145/2018/HSPT

Ngày 02- 5- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Văn Toàn.

2. Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2018/HSPT ngày 29/3/2018 đối với các bị cáo Đậu Văn T và Trần Ngọc L về tội “*Cố ý gây thương tích*” do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án số 05/2018/HSST ngày 26/02/2018, của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đậu Văn T; sinh năm 1994, tại Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Đậu Trung H và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2017, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đậu Văn T: Có Luật sư Trần Trọng H – Thuộc văn phòng luật sư CT, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; bào chữa bảo vệ quyền lợi cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc L, sinh năm 1983, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông

Trần Ngọc H (Đã chết) và bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: 01 tiền án về tội cố ý gây thương tích. Ngày 09/02/2015 bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù, nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Tiến T; trú tại: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đậu Trung H; trú tại: Thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 18/6/2017, Đậu Văn T cùng anh Hoàng Văn B, anh Phạm Đình G về nhà Đậu Văn T tại thôn 6, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để uống rượu. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Trần Ngọc L mời Đậu Văn T, anh Hoàng Văn B, anh Nguyễn Tiến T, anh Nguyễn Văn N, anh Phạm Đình G về nhà L cách nhà T 40m để uống rượu tiếp. Trong lúc đang uống rượu thì Nguyễn Văn N gọi T xuống bếp nhà L và hỏi T “anh nghe người ta nói: em nói anh chặt 15 cây cà phê nhà em phải không?”, T trả lời “không”, sau đó giữa anh N và T xảy ra cãi nhau. Thấy vậy, anh Hoàng Văn B và Trần Ngọc L đi xuống can ngăn anh N và T. L thấy anh N và T cãi nhau, nên L đẩy anh N, T ra ngoài thềm nhà. Khi ra ngoài thềm nhà thì giữa T và anh N tiếp tục cãi nhau. Nguyễn Tiến T là em trai của anh N lên tiếng bênh vực anh N. Thấy vậy, anh B vào can ngăn thì bị anh N dùng tay bóp cổ. T nói với anh B là không liên quan gì đến anh B thì anh N thả anh B ra. Nghe tiếng ồn ào bên nhà anh L thì ông Đậu Trung H và Đậu Văn K (bố đẻ và em trai Đậu Văn T) đi sang nhà Trần Ngọc L và can ngăn Đậu Văn T. Ông H bị T xô đẩy ông H té xuống thềm nhà, thì ông H liền nói “bay thích đánh nhau phải không?”. Nguyễn Tiến T liền chạy lại hàng rào nhà anh N lấy 01 khúc gỗ cầm trên tay tiến đến chỗ T để đánh nhau. Thấy T cầm khúc gỗ thì K lao vào ôm, can ngăn T thì hai bên xảy ra cãi nhau. T cầm khúc gỗ đánh về phía K nhưng không trúng mà trúng xuống đất làm khúc gỗ gãy làm nhiều khúc. Thấy T đánh về phía mình thì K đứng đối diện T nhặt lên 01 trong những khúc gỗ vừa gãy đánh về phía T theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng một cái vào cẳng tay trái, một cái trúng vào vùng đầu bên trái của T. K và T tiếp tục cãi

nhau, thì ông Đậu Trung H chạy về nhà lấy 01 khúc cây chạy sang chỗ T và K nhưng ông H không đánh T mà chỉ đứng giơ cây can ngăn. Đậu Văn T thấy anh N chạy vào nhà và nghĩ là anh N chạy về nhà lấy hung khí nên T cũng chạy về nhà T lấy 02 con dao, cầm mỗi tay một con dao chạy sang, đến chỗ Nguyễn Tiến T và Đậu Văn K đang cãi nhau, Đậu Văn T cầm dao ở tay phải chém về phía Nguyễn Tiến T theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. Anh T giơ tay phải lên đỡ, nhát dao của Đậu Văn T trúng vào tay phải của anh T. Lúc này Trần Ngọc L, anh Đậu Văn K lao vào can ngăn Đậu Văn T và lấy dao trên tay của Đậu Văn T. Trong lúc can ngăn và lấy dao thì K và L bị dao làm bị thương ở tay. Do bị thương ở tay nên Trần Ngọc L nhặt khúc gỗ ở gần hàng rào lưới B40 ngăn giữa nhà anh N và anh L rồi cầm khúc gỗ bằng tay phải, đánh về phía T theo hướng từ phải qua trái, từ trên xuống dưới, trúng vào vai phải, vùng đầu bên phải phía trên tai của T. Nguyễn Tiến T được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa T H, thành phố B điều trị.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 806/PY-TgT ngày 22/6/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đắk Lắk kết luận Nguyễn Tiến T bị: Vết thương cổ tay, gãy đầu dưới xương trụ và đứt gân, cơ, bó mạch thần kinh trụ phải với tỷ lệ thương tích 25%. Vật tác động: Sắc, bén;

Tại bản kết luận pháp y bổ sung số 1029/PY-TgT ngày 18/8/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đắk Lắk kết luận Nguyễn Tiến T bị vết thương cổ tay phải, gãy đầu trước xương tay và đứt cơ nang thần kinh trụ, đứt gân cơ 30%, vật tác động: Sắc, bén; chấn thương đầu 2%, vật tác động: Cứng, tày.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Đậu Văn T, Trần Ngọc L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 của Quốc Hội khóa 14, ngày 20 tháng 6 năm 2017; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đậu Văn T 02 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 26 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc L 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 cây gậy gỗ kích thước (2,5 x 3,5x 80)cm; 01 cây gậy gỗ kích thước (0,84x0,03x0,07)m; 01 cây gậy gỗ kích thước (0,80 x 0,03 x 0,07) m là công cụ bị cáo dùng để phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Tuyên trả lại 01 con dao có tổng chiều dài 42cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm, đường kính 3,5cm, hình trụ tròn, lưỡi dao sắc nhọn, dài 28cm, vị trí rộng nhất 9cm; 01 con dao có tổng chiều dài 45,8cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, đường kính 3cm, hình trụ tròn, lưỡi dao sắc nhọn, dài 32,8cm, vị trí rộng nhất 05cm cho ông Đậu Trung H là chủ sở hữu hợp pháp.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 05/01/2018 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk).

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 đôi dép nhựa màu xanh cho anh Nguyễn Tiến T là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trần Ngọc L phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 4.226.000 đồng, được khấu trừ số tiền 4.000.000đ bị cáo đã bồi thường (Trong đó có 1.000.000đ bị cáo đã đưa cho gia đình người bị hại và 3.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: AA/2010/0003282, ngày 31/01/2018). Bị cáo Trần Ngọc L còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 226.000đ (Hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Đậu Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 91.910.000đ, được khấu trừ số tiền 10.000.000đ bị cáo đã bồi thường. Bị cáo Đậu Văn T còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 81.910.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/3/2018, bị cáo Đậu Văn T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và giảm mức bồi thường cho người bị hại.

Ngày 12/3/2018, bị cáo Trần Ngọc L kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc chuyển thành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự (Nay là Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015) là có căn cứ đúng người , đúng tội, đúng pháp luật. Trong vụ án này có một phần lỗi người bị hại. Tuy nhiên mức hình phạt đối với bị cáo và trách nhiệm bồi thường cho người bị hại đã áp dụng đối với các bị cáo là thỏa đáng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đậu Văn T trình bày: Việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, nguyên nhân phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, đ, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc để áp dụng hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình. Về trách nhiệm dân sự, bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 91.910.000đ là cao, không phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại để giảm mức bồi thường cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại đồng thời gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Các bị cáo là người nhận thức được sức khỏe của con người là vốn quý được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều phải bị trừng trị. Song do ý thức coi thường pháp luật và sức khỏe của người khác mà vào ngày 18/6/2017, bị cáo Đậu Văn T dùng dao chém vào tay anh Nguyễn Tiến T gây thương tích 30% sức khỏe; bị cáo Trần Ngọc L dùng gậy gỗ đánh vào đầu anh Nguyễn Tiến T gây thương tích 02% sức khỏe. Do vậy bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 (Đối với bị cáo Lâm); khoản 2 (Đối với bị cáo Trung) Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù trong vụ án này có một phần lỗi của người bị hại. Tuy nhiên xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo T và 06 tháng tù đối với bị cáo L mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đậu Văn T và Trần Ngọc L Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh T 30% sức khỏe. Bị cáo L gây thương tích cho anh Tài 02% sức khỏe, nhưng bị cáo L có một tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*”, đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, việc cho các bị cáo được hưởng án treo sẽ không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo T yêu cầu giảm mức bồi thường cho người bị hại, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra cho người bị hại để điều trị vết thương ở cổ tay, cụ thể:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe:
- + Tiền phẫu thuật: 18.956.000đ (có hóa đơn)
- + Tiền thuốc men, nẹp, khám, điều trị: 1.524.000đ (có hóa đơn)
- + Tiền thuê xe đi cấp cứu: 1.200.000 đ x 2 (lượt đi và về) = 2.400.000 đ.
- + Tiền mua thuốc, phục hồi chức năng: 6.670.000đ.
- Thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trong thời gian nằm viện (11 ngày) x 180.000đ/ngày x 2 người (01 người nuôi dưỡng) = 3.960.000 đ
- Tiền thu nhập thực tế bị mất sau khi ra viện: 06 tháng x 180.000đ/ngày = 32.400.000 đ.
- Khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần: 20 tháng lương tối thiểu do nhà nước qui định hiện hành x 1.300.000đ/tháng = 26.000.000đ.

Tổng cộng: 91.910.000 đồng được khấu trừ số tiền 10.000.000 đ bị cáo đã bồi thường. Bị cáo Đậu Văn T còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 81.910.000 đồng. Như vậy, mức bồi thường mà bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là đúng quy định của pháp luật.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Luật sư đề nghị áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, mà chỉ áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Đậu Văn T, Trần Ngọc L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đậu Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đậu Văn T, Trần Ngọc L - Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 26/02/2018, của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đậu Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 26 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc L 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trần Ngọc L phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 4.226.000đ, được khấu trừ số tiền 4.000.000đ bị cáo đã bồi thường (Trong đó có 1.000.000đ bị cáo đã đưa cho gia đình người bị hại và 3.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: AA/2010/0003282, ngày 31/01/2018). Bị cáo Trần Ngọc L còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 226.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Đậu Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 91.910.000đ, được khấu trừ số tiền 10.000.000đ bị cáo đã bồi thường. Bị cáo Đậu Văn T còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T số tiền 81.910.000đ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đậu Văn T, Trần Ngọc L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị cáo Đậu Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Chi cục T.H.A.DS huyện K
- Cơ quan T.H.A HS Công an huyện K
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân